TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:268/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Dân sự thụ lý số: 66/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc ‘‘Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn’’, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Vũ Duy Đ, sinh ngày 31/3/1974

CCCD số 012074002583 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/7/2021.

Địa chỉ: 140 đường N nối dài, Khu phố 7, phường Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/4/1981

CCCD số 031181013446 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/7/2021.

Địa chỉ: 140 đường N nối dài, Khu phố 7, phường Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 156; Quyển số: 1/2002 do UBND phường P, quận Tân Bình (nay là phường Q), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2002 thì ông Vũ Duy Đ và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Vũ Ngọc Phương N, sinh năm 2004 và Vũ Duy T, sinh năm 2006. Hai con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình là 300.000đ do ông Đ và bà H chịu.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Duy Đ và bà Nguyễn Thị H.

b/ Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Ngọc Phương N, sinh năm 2004 và Vũ Duy T, sinh năm 2006. Hai con chung đã thành niên.

c/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

đ/ Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Vũ Duy Đ và bà Nguyễn Thị H chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Vũ Duy Đ và bà Nguyễn Thị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006234 ngày 19/01/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 - Tp.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự Tp.Hồ Chí Minh;
- UBND P.Q, Tp.Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch)
Giấy CNKH số: 156; Quyển số: 1/2002 ngày 19/01/2002;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mai Hương